

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HS-ST
Ngày 13-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo
2. Bà Huỳnh Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự thụ lý số 71/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020 theo Quyết Đ1 đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Quốc A, sinh năm 2000; tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Khu phố V, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quốc V, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2019 đến nay. Có mặt.

2. Lương Văn Đ, sinh năm 2001; tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Lương Thị Kim B, sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2019 đến nay. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Thái Nhựt Đ1, sinh năm 2000, địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

2. Lê Duy K, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

3. Đoàn Nguyễn Bảo G, sinh năm 2003; địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Quang V, sinh năm

1968 (cha ruột); địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố 4, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Văn Đ và Trịnh Quốc A là bạn bè, cả hai đều là đối tượng nghiện ma túy loại methamphetamine.

Khoảng 08 giờ ngày 15/12/2019, A điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 61E1-738.66 chở Đ đi ăn sáng, uống cà phê. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, cả hai rủ nhau đi gặp Th (không rõ nhân thân, lai lịch) để cùng sử dụng ma túy. Đ điều khiển xe mô tô chở A đến quán cà phê (không rõ tên) thuộc phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên để gặp Th. Tuy nhiên, do Th không mang theo ma túy nên A giao xe mô tô biển số 61E1-738.66 cho Th chở Đ đi lấy ma túy đá, còn A đợi ở quán cà phê. Th chở Đ đến khu vực phường An Phú, thị xã (nay là thành phố) Thuận An và yêu cầu Đ đứng đợi, còn Th điều khiển xe đi lấy ma túy. Sau khi lấy được ma túy Th quay lại đón Đ và cùng trở về quán cà phê gặp A để sử dụng ma túy.

Trong lúc đợi Đ và Th đi lấy ma túy, A nhận bán 700.000 đồng ma túy cho K (không rõ nhân thân) qua điện thoại. Khi Th và Đ về tới quán cà phê thì A đề nghị mua của Th 700.000 đồng ma túy để bán lại cho K. Do A không có sẵn tiền nên xin Th cho nợ đến khi bán ma túy xong sẽ trả cho Th. Th đồng ý và giao cho A 01 bịch ma túy đá. Sau đó, Đ và A đi về phòng trọ của A, khi về đến phòng trọ thì A gọi điện cho K để bán ma túy nhưng K không nghe máy. Lúc này, A và Đ trích một phần ma túy từ số ma túy đã mua để cùng sử dụng, phần còn lại thì A và Đ cất giấu dưới tấm nệm đặt trong phòng trọ, mục đích để bán lại cho các con nghiện khác.

Khoảng 00 giờ 30 ngày 16/12/2019, Thái Nhựt Đ1 nhắn tin qua Zalo cho Đ hỏi mua 300.000 đồng ma túy thì Đ đồng ý và nhắn tin hẹn giao ma túy trước cổng nhà trọ Minh Thu. Sau khi thỏa thuận xong, Đ1 điều khiển xe mô tô biển số 64K5-7486 chở Lê Duy K đến điểm hẹn để mua ma túy từ Đ. Sau khi nhắn tin cho Đ1, Đ nói cho A biết về việc lấy ma túy đi bán và A đồng ý nên Đ lấy số ma túy đang cất giấu chia nhỏ thành 04 phần, bỏ vào trong 04 bịch nylon. Trong đó, Đ mang đi giao cho Đ1 01 bịch, còn 03 bịch đem cất giấu dưới tấm nệm trong phòng. Khi đi giao ma túy, Đ có nói cho A biết Đ1 và Đ thỏa thuận mua 300.000 đồng ma túy đá nhưng do Đ không có tiền thối nên Đ đồng ý nhận 260.000 đồng và cho Đ1 thiếu 40.000 đồng hôm sau trả.

Sau khi bán ma túy cho Đ1, Đ đi về phòng để ngủ cùng với A, còn Đ1 và K đi tìm địa điểm để sử dụng ma túy thì bị Công an tuần tra phát hiện và lập biên bản xử lý theo quy Đ1.

Quá trình Đ tra thu giữ vật chứng gồm:

- 01 xe mô tô biển số Yamaha Surius biển số 61E1-738.66.
- Số tiền 260.000 đồng do Lương Văn Đ giao nộp.
- 01 xe mô tô hiệu River biển số 64K5-7486.
- 03 bịch nylon chứa ma túy tại phòng trọ của A;
- 01 bịch nylon chứa ma túy thu giữ của Đ1.

Tại Bản kết luận giám định số 902/MT-PC09 ngày 17/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu tinh thể thu giữ từ Thái Nhựt Đ1 gửi giám định đều là ma túy, có khối lượng 0,0617 gam loại Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số 902/MT-PC09 ngày 17/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu tinh thể thu giữ từ Trịnh Quốc A, Lương Văn Đ gửi giám định đều là ma túy, có khối lượng 0,2549 gam loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô hiệu Yamaha Surius, biển số 61E1-738.66 do Trịnh Quốc A đứng tên chủ sở hữu, A mua dưới hình thức trả góp. Ngày 26/3/2020, bà Nguyễn Thị L là mẹ của A đã thay A trả hết 02 tháng tiền góp mua xe còn lại (mỗi tháng 2.863.000 đồng) để thanh lý hợp đồng trả góp. Bà L không có yêu cầu gì đối với chiếc xe trên và không yêu cầu đối với số tiền đã trả góp thay cho A.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô hiệu River, biển số 64K5-7486 do ông Nguyễn Thanh T1 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, ông T1 ông đã bán lại cho người khác. Đoàn Nguyễn Bảo G là người mua lại xe, khi mua không làm hợp đồng. Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 15/12/2019 Đ1 mượn xe mô tô để sử dụng và không nói cho G biết Đ1 dùng xe đi mua ma túy. Xe mô tô nêu trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Ngày 13/3/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại xe G.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như nội dung cáo trạng. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét vai trò đồng phạm của bị cáo: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công cụ thể vai trò của từng bị cáo nên các bị cáo có vai trò ngang nhau trong thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Quốc A và bị cáo Lương Văn Đ mỗi bị cáo từ 03 năm

đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy lượng ma túy còn lại sau giám định; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với phương tiện phạm tội là xe mô tô của bị cáo A và số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy là 260.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không trình bày ý kiến tranh luận. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra và không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Trịnh Quốc A và Lương Văn Đ có hành vi mua ma túy loại Methamphetamine để chia nhỏ, bán lại cho những người có nhu cầu sử dụng. Tổng khối lượng ma túy bị thu giữ là 0,3166g (trong đó 0,2549g cất giấu tại phòng trọ của A để bán và 0,0617g đã bán cho Đ1). Số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy là 260.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ý thức được tác hại của ma túy đối với xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Hiện nay, tình hình tội phạm về ma túy đang diễn ra phức tạp, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự khác. Do đó, cần có hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo, rèn luyện và từ bỏ ma túy. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và

nhân thân của các bị cáo để có một hình phạt tương xứng nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo. Trong đó, bị cáo Trịnh Quốc A là người khởi xướng và tổ chức thực hiện việc mua bán ma túy, trực tiếp hỏi mua ma túy của Th để bán lại cho người khác, dùng xe của mình làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội; còn bị cáo Lương Văn Đ là người thực hành tích cực, trực tiếp chia nhỏ ma túy và đem bán cho người khác. Do tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo A nặng hơn bị cáo Đ nên sẽ chịu hình phạt nặng hơn.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đối với Thái Nhựt Đ1 và Lê Duy K có hành vi mua ma túy của bị cáo Đ để sử dụng, do khối lượng ma túy không đủ định lượng xử lý về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên Công an thị xã Tân Uyên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ1 và K là đúng quy định. Đối với đối tượng tên Th đã bán ma túy cho các bị cáo, do chưa xác định được lai lịch nên cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra và xử lý sau là phù hợp.

[7] Bà Nguyễn Thị L là mẹ của bị cáo Trịnh Quốc A. Bà L đã thay bị cáo A nộp xong tiền trả góp để thanh lý hợp đồng mua xe trả góp đối với xe mô tô hiệu Yamaha Surius, biển số 61E1-738.66 (là phương tiện phạm tội). Bà L không có yêu cầu gì đối với xe và số tiền đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe mô tô hiệu River, biển số 64K5-7486 cho chủ sở hữu là đúng quy định.

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định là chất cấm nên phải tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 260.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy nên phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Surius, biển số 61E1-738.66 là phương tiện phạm tội nên phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo và biện pháp xử lý vật chứng là phù hợp. Tuy nhiên, ý kiến của Kiểm sát viên về phân hóa tội phạm, vai trò đồng phạm và mức hình phạt của từng bị cáo chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo Trịnh Quốc A là phù hợp; đối với bị cáo Lương Văn Đ có vai trò thấp bị cáo A nên chịu hình phạt thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Quốc A và bị cáo Lương Văn Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 251; Đ 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Quốc A 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2019.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 251; Đ 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lương Văn Đ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2019.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy khối lượng ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định gồm: 0,1707 gam trong bì thư niêm phong ký hiệu 901/PC09 theo Kết luận giám định số 901/MT-PC09 ngày 16/12/2019 và 0,0326 gam trong bì thư niêm phong ký hiệu 902/PC09 theo Kết luận giám định số 902/MT-PC09 ngày 17/12/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương;

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (Một) xe mô tô Yamaha Sirius 61E1-738.66 màu đỏ - đen, số máy 582582; số khung 216748, xe không kính chiếu hậu, không paga, không kiểm tra máy.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 260.000 đồng (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng), theo ủy nhiệm chi ngày 27/4/2020.

(Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/4/2020).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trịnh Quốc A và bị cáo Lương Văn Đ mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND thị xã Tân Uyên; (1)
- Công an thị xã Tân Uyên; (2)
- CC THADS Tx. Tân Uyên (để thi hành); (1)
- Bị cáo; (2)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; (4)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Nga